

ẢNH HƯỞNG CỦA TRÍ TUỆ CẢM XÚC ĐẾN VIỆC HÌNH THÀNH KỸ NĂNG LÀM CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Thị Hiền

Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây.

Trí tuệ cảm xúc (Emotional Intelligence) được nhắc đến lần đầu tiên vào năm 1990 do Peter Salovey và John Mayer đưa ra. Từ năm 1995 đến nay, sau khi Daniel Goleman, nhà tâm lý học Mỹ, người viết chuyên mục khoa học cho tờ New York Times xuất bản cuốn “Trí tuệ cảm xúc” thì vấn đề trí tuệ cảm xúc bắt đầu được giới tâm lý học quan tâm ngày càng nhiều.

Daniel Goleman cho rằng: “Mọi quan niệm về bản chất con người mà bỏ qua quyền năng của các cảm xúc thì đều thiếu sáng suốt. Chúng ta đã cường điệu giá trị và tầm quan trọng của lý trí thuần túy được đo bằng IQ trong đời sống con người”. Ông khẳng định rằng: “Chúng ta có hai hình thức khác nhau về trí tuệ: Trí tuệ và trí tuệ cảm xúc. Cách chúng ta hướng dẫn cuộc sống của mình được quyết định bởi hai thứ trí tuệ ấy. Trí tuệ cảm xúc cũng quan trọng như IQ. Trên thực tế, không có trí tuệ cảm xúc thì trí tuệ lý trí không thể hoạt động một cách thích đáng”.

Một thực trạng hiện nay là sinh viên và giáo viên trẻ còn yếu về nghiệp vụ sư phạm, trong đó có kỹ năng làm chủ nhiệm (CN) lớp. Để giáo dục phát triển thì trước hết phải có đội ngũ giáo viên giỏi về chuyên môn, tinh thông về nghiệp vụ. Chính vì vậy, trong quá trình đào tạo, nhà trường sư phạm cần chú trọng hình thành kỹ năng CN lớp cho sinh viên.

Năm 1997, Peter Salovey và John Mayer sau nhiều công trình nghiên cứu đã phát hiện ra rằng trí tuệ cảm xúc theo quan niệm ban đầu của các ông chỉ bao gồm khả năng tiếp nhận xúc cảm chứ chưa đề cập đến khả năng quản lý cảm xúc của con người. Vì vậy, hai ông đã chính xác hoá định nghĩa trí tuệ cảm xúc như sau: “*Trí tuệ cảm xúc như là năng lực nhận biết và bày tỏ cảm xúc; hoà xúc cảm vào suy nghĩ; hiểu và suy luận với xúc cảm và điều khiển, quản lý xúc cảm của mình và của người khác (P. Salovey và J. Mayer, 1997).*”

Chúng tôi chấp nhận quan điểm của J. Mayer, P. Salovey và D. Caruso, coi đó là cơ sở lý luận của đề tài này.

Trí tuệ cảm xúc (EI), vừa là điều kiện bên trong của hoạt động CN lớp, vừa là một phẩm chất đặc trưng của sự phát triển nhân cách người giáo viên. Mặt khác, hoạt động CN lớp là một trong các hoạt động cơ bản của người giáo viên, do đó, việc nghiên cứu trí tuệ cảm xúc và ảnh hưởng của nó đến việc hình thành kỹ năng làm CN lớp cho sinh viên trong quá trình đào tạo ở các trường sư phạm là rất có ý nghĩa.

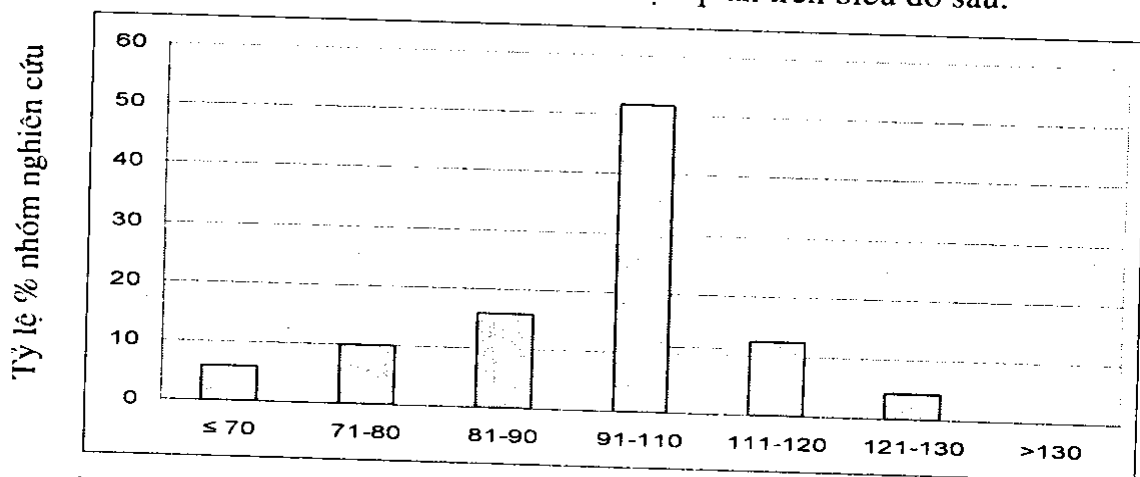
Nghiên cứu này được tiến hành từ tháng 12/2006 đến tháng 12/2007, trên 120 sinh viên K27 của trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây.

Đề tài đã sử dụng test MSCEIT do các nhà tâm lý học Mỹ John D. Mayer, Peter Salovey và David R. Caruso soạn thảo. Đây là bộ test đo được về các thành phần của trí tuệ cảm xúc: Nhận biết xúc cảm, xúc cảm hỗ trợ tư duy, hiểu biết xúc cảm và quản lý xúc cảm.

Bảng 1: Mức độ trí tuệ cảm xúc của sinh viên Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

Mức độ	Rất thấp	Thấp	Dưới trung bình	Trung bình	Trên trung bình	Cao	Rất cao	Tổng số
EQ	≤ 70	71-80	81-90	91-110	111-120	121-130	≥ 130	
Số lượng	7	12	19	62	15	5	0	120
Tỉ lệ %	5,83	10	15,83	51,67	12,5	4,17	0	100

Từ số liệu ở bảng 1, có thể biểu diễn trực quan trên biểu đồ sau:



Biểu đồ 1: Mức độ trí tuệ cảm xúc của sinh viên Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

Qua biểu đồ ta thấy: Hiện trạng độ cao trí tuệ cảm xúc của sinh viên cao đẳng sư phạm được nghiên cứu bằng test MSCEIT là một phân bố bình thường, tương đối giống với phân bố chuẩn của Gauss.

- + Không có sinh viên được nghiên cứu nào có chỉ số EQ lớn hơn 130.
- + Đa số sinh viên được nghiên cứu có chỉ số trí tuệ cảm xúc ở mức trung bình (51,67%).
- + Số sinh viên có chỉ số EQ dưới trung bình trở xuống chiếm 31,66%.
- + Số sinh viên có chỉ số EQ từ trên trung bình trở lên chiếm 16,67%

Nhìn chung các sinh viên Cao đẳng Sư phạm Hà Tây được nghiên cứu có chỉ số trí tuệ cảm xúc trung bình.

Để có được một tổng quan tương đối cụ thể về thực trạng kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp của sinh viên làm cơ sở cho việc tìm ra mối quan hệ giữa trí tuệ cảm xúc và việc hình thành kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp của sinh viên. Chúng tôi đã thống kê một số kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp để tham khảo ý kiến đánh giá của giáo viên và ý kiến tự đánh giá của sinh viên chuẩn bị ra trường về thực trạng kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp của sinh viên trên 5 mức độ: (5- thuần thục, 4- tương đối thuần thục, 3- Biết cách làm nhưng chưa thuần thục, 2- Làm khi được khi không, 1- Chưa biết làm) bằng phiếu hỏi.

Bảng 2: Mức độ hình thành các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

T T	Các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp	Mức độ hình thành kỹ năng				
		5	4	3	2	1
1	Giao tiếp sư phạm	0	6,7	60,0	23,3	10
2	Ứng xử tình huống sư phạm	0	3,3	45,6	35,6	15,5
3	Tìm hiểu, phân loại đối tượng	0	2,2	42,2	45,6	10
4	Tổ chức "bộ máy tự quản"	0	12,2	65,6	22,2	0
5	Quy định chức năng nhiệm vụ cho cán bộ tự quản	0	11,1	58,9	26,7	3,3
6	Hướng dẫn nội dung ghi chép sổ công tác cho từng loại cán bộ	0	8,9	52,2	31,1	7,8
7	Lập kế hoạch chủ nhiệm lớp	0	3,3	50,0	35,6	11,1
8	Xác định mục tiêu hoạt động giáo dục	0	2,2	55,6	33,3	8,9
	Trung bình	$\bar{X} = 0$	$\bar{X} = 7,1$	$\bar{X} = 54,7$	$\bar{X} = 30,9$	$\bar{X} = 7,3$

Kết quả thu được ở bảng trên cho thấy mặc dù có nhận thức tương đối tốt về các kỹ năng cũng như vai trò của các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp trong quá trình hoạt động chủ nhiệm lớp nhưng khả năng cũng như mức độ thực hiện các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây ở mức độ chưa thuần thực là chủ yếu, cụ thể: ở mức độ thuần thực không có ý kiến nào lựa chọn. Đối với mức độ tương đối thuần thực thì ý kiến lựa chọn của sinh viên cũng không cao chiếm tỷ lệ từ 2,2% đến 12,2%. Như vậy, các sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây đều cho rằng khả năng thực hiện các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp trong hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là chưa thực sự tốt, bởi các em còn chưa có kinh nghiệm thực tế. Đối với mức độ làm được nhưng chưa thuần thực thì có 42,2% đến 65,6% đánh giá. Còn đối với mức độ làm khi được khi không có số ý kiến lựa chọn chiếm tỷ lệ 22,2% đến 45,6%. Như vậy, nhìn chung các kỹ năng của sinh viên mới đạt ở mức độ “làm được nhưng chưa thuần thực” hoặc “khi làm được khi không”.

Qua kết quả về mức độ hình thành các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây, chúng ta thấy rằng không phải tất cả các sinh viên đều có mức độ hình thành các kỹ năng như nhau. Có những sinh viên có mức độ hình thành các kỹ năng đều ở mức độ làm được nhưng chưa thuần thực hoặc tương đối thuần thực, song lại có những sinh viên có mức độ hình thành các kỹ năng ở mức làm khi được khi không hoặc chưa biết làm. Vậy điều này là do đâu? Chúng ta có thể thấy rằng việc hình thành các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp của sinh viên chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố nhưng yếu tố nào là yếu tố có ảnh hưởng chính đến việc hình thành các kỹ năng của sinh viên? Vấn đề đặt ra là đề tài cần xem xét: liệu trí tuệ cảm xúc ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp của sinh viên như thế nào? Để làm rõ vấn đề này, chúng tôi đã chọn ra 10 sinh viên có mức độ hình thành các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp chủ yếu ở mức độ tương đối thuần thực (là những sinh viên khi được điều tra về các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp chủ yếu ở mức độ 4- tương đối thuần thực) và 10 sinh viên có mức độ hình thành các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp chủ yếu ở mức độ làm khi được khi không (khi điều tra về việc hình thành các kỹ năng làm chủ nhiệm lớp hầu hết các kỹ năng đều ở mức 2- làm khi được khi không) để so sánh về EQ của họ.

Bảng 3: Giá trị EQ và vị trí thứ hạng của hai nhóm sinh viên được nghiên cứu

TT	Sinh viên có mức độ hình thành kỹ năng tương đối thuần thục		Sinh viên có mức độ hình thành kỹ năng làm khi được khi không	
	EQ	vị trí thứ hạng	EQ	vị trí thứ hạng
1	124,09	1	84,16	11
2	123,78	2	82,25	12
3	123,05	3	81,37	13
4	122,24	4	76,19	14
5	122,19	5	75,72	15
6	117,89	6	72,51	16
7	114,91	7	72,33	17
8	112,65	8	70,99	18
9	96,78	9	70,24	19,5
10	94,22	10	70,24	19,5
	$\overline{EQ} = 115,18$	$R_1 = 55$	$\overline{EQ} = 75,6$	$R_2 = 155$

Theo kỹ thuật U- Test của Mann and Whitney thì các đại lượng được so sánh phải được trình bày sao cho có giá trị tối đa bằng n_2 , với $n_2 \leq 8$ hoặc $n_2 \leq 20$ hoặc $n_2 \geq 20$ [2;224]

- Trong trường hợp nghiên cứu này ta có $n_1 = n_2 = 9$ ($n_2 \leq 20$). Vậy giá trị kiểm chứng U được tính theo công thức : $U = R_1 - \frac{n_1(n_1 + 1)}{2}$

$$U' = R_2 - \frac{n_2(n_2 + 1)}{2}$$

Với $U + U' = n_1 \cdot n_2$ là đại lượng kiểm tra.

Nếu $U > U_{\alpha, n_1, n_2}$ thì hai đại lượng so sánh là giống nhau.

Nếu $U \leq U_{\alpha, n_1, n_2}$ thì hai đại lượng so sánh là khác nhau.

Trong trường hợp này $U_{0,05;10;10} = 19$.

Tính theo công thức của Mann và Whitney:

$$U = 55 - \frac{10 \times 11}{2} = 0$$

$$U' = 155 - \frac{10 \times 11}{2} = 100$$

Kiểm tra lại: $U + U' = n_1 \times n_2 = 0 + 100 = 10 \times 10 = 100$.

Như vậy, ta có $0 < 19$ tức $U < U_{0,05;10;10}$, nghĩa là 2 đại lượng so sánh là khác nhau đảm bảo có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức $\alpha = 0,05$ ($= 5\%$).

Từ phép so sánh thống kê Mann và Whitney cho thấy rằng: độ cao chỉ số trí tuệ cảm xúc của hai nhóm sinh viên có sự khác nhau về mức độ hình thành kỹ năng làm chủ nhiệm lớp có sự khác nhau rõ rệt về mặt thống kê.

Số liệu ở bảng trên cho thấy giá trị EQ trung bình của nhóm sinh viên có mức độ hình thành kỹ năng tương đối thuần thục là $\overline{EQ} = 115,18$ lớn hơn nhiều so với giá trị EQ trung bình của nhóm sinh viên có mức độ hình thành kỹ năng làm khi được khi không là $\overline{EQ} = 75,6$

Như vậy, từ số liệu so sánh và tính toán thống kê, có thể nhận xét rằng: Những sinh viên có chỉ số trí tuệ cảm xúc cao hơn là những sinh viên thành công hơn trong việc hình thành kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp.

Tài liệu tham khảo

1. Daniel Goleman (2002), *Trí tuệ cảm xúc. Làm thế nào để biến những xúc cảm của mình thành trí tuệ*, Lê Diên dịch, NXB KHXH, Hà Nội.
2. Daniel Goleman (2003), *Trí thông minh xúc cảm. Những vấn đề về phương pháp luận tiếp cận*, Nguyễn Công Khanh dịch.
3. Nguyễn Công Khanh (2002), *Bàn về khái niệm trí thông minh và bản chất của nó*, Tạp chí thông tin KHGD, Số 92.
4. Barbara Kuchta (2004), *Trí tuệ cảm xúc- tầm nhìn*.
5. Nguyễn Huy Tú (2000), *Trí tuệ cảm xúc bản chất và phương pháp chẩn đoán*, Tạp chí Tâm lý học số 6.